

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG

Số: 58/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:

1. Ông Trần Cảnh T, sinh năm 2004, CCCD số: 049204007859, địa chỉ: thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 2004, CCCD số: 049304001582, địa chỉ: tổ F, thôn G, xã T, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Cảnh T và bà Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đà Nẵng vào ngày 15/08/2025 (Giấy CNKH số 59/2025). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay ông T và bà P xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà P thống nhất khai nhận vợ chồng có 01

con chung là Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 27/10/2025.

Nay ly hôn ông Trần Cảnh T và bà Nguyễn Thị P thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 27/10/2025 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T và bà P thỏa thuận ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông T và bà P phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 03/03/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Cảnh T và bà Nguyễn Thị P (Giấy CNKH số 59/2025, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đà Nẵng vào ngày 15/08/2025).

- *Về con chung:* Sau ly hôn bà Nguyễn Thị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 27/10/2025 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Trần Cảnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông T và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Cảnh T và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông T và bà P đã nộp theo biên lai thu số 0001761 ngày 03/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 11, Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng